

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HS-ST
Ngày: 19-02-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu vH;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lý Chí Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Tô Minh tT, sinh năm 1992, tại: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 10, khóm Vĩnh Tây 3, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn T (đã chết) và bà Hồ Ngọc T, sinh năm 1963; chưa có vợ, con.

Nhân thân: Ngày 29/9/2009, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) K xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”; ngày 25/12/2014, Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2020 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn vS (vS Cọ), sinh năm 1989, tại: thành phố K, tỉnh An Giang; nơi cư trú: tổ 18, khóm C, phường V, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1961 và bà

Nguyễn Thị Y, sinh năm 1967; có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1987 và có 01 người con sinh năm 2001.

Nhân thân: Ngày 11/02/2009 và ngày 17/11/2011, Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) K xử phạt 01 năm 06 tháng tù và 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; các ngày 28/3/2013, 17/4/2014, Công an huyện C, tỉnh An Giang quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đồng và 7.500.000đồng về hành vi vận chuyển hàng cấm, đã chấp hành nộp phạt.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 21/8/2020, Công an xã M, huyện C, tỉnh An Giang quyết định xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chưa chấp hành nộp phạt.

Bị bắt tạm giam từ ngày 29/10/2020 cho đến nay, có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn vH, sinh năm 1965, nơi cư trú: tổ 12, khóm V, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lâm Thị Ái aM, sinh năm 1971, nơi cư trú: khóm P, phường CP, thành phố K, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 15/10/2020, do cần tiền tiêu xài, mua ma túy sử dụng, Tô Minh tT và Nguyễn Văn vS rủ nhau tìm tài sản lấy trộm; tT điều khiển xe mô tô không gắn biển số, chở vS đến kho dụng cụ xây dựng của Nguyễn Văn vH (thuộc khu vực tổ 19, khóm V, phường NS, thành phố K) quan sát thấy không người trông giữ; vS cảnh giới, tT đột nhập lấy trộm 01 máy nén bê tông, 01 máy khoan điện, 01 máy cắt sắt đem bán cho Lâm Thị Ái aM lấy 1.000.000 đồng mua ma túy, cùng sử dụng. Phát hiện mất trộm, vH tìm chuộc lại tài sản, trình báo Cơ quan Công an mời làm việc, tT, vS thừa nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ: 01 máy nén bê tông, nhãn hiệu Suka; 01 máy khoan điện, nhãn hiệu Bosch; 01 máy cắt sắt, nhãn hiệu Gihu (đã trao trả cho bị hại Nguyễn Văn vH); 01 áo khoác vải đen, dài tay (của Tô Minh tT mặc lúc phạm tội); 01 xe mô tô không gắn biển số; 01 mũ bảo hiểm màu hồng; 01 áo thun xanh, dài tay; 01 quần Jean xám, lửng; 01 đôi dép trắng, quai kẹp (của Nguyễn Văn vS sử dụng lúc phạm tội), đã chuyển giao Cơ quan thi hành án dân sự.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số: 260/KL-ĐG ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K xác định: 01 máy cắt sắt, trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy khoan điện, trị giá 600.000 đồng; 01 máy nén bê tông, trị giá 900.000 đồng. Tổng trị giá 2.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKSCĐ ngày 13/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Tô Minh tT, Nguyễn Văn vS về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo tT, vS thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng đồng phạm giản đơn; nhưng cần phân hóa vai trò, trách nhiệm, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường 680.000 đồng khắc phục hậu quả; các bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp; bị cáo vS còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có người thân (bà nội) là người có công với cách mạng được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

Tô Minh tT từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; Nguyễn Văn vS từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, vật chứng đã được giao trả cho bị hại là phù hợp với quy định pháp luật nên không đề nghị xử lý lại. Đối với 01 xe mô tô không gắn biển số vS mua của người thanh niên (không rõ lai lịch) sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; đối với 01 áo khoác vải đen, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo thun xanh, 01 quần Jean xám, 01 đôi dép trắng, các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự, do bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố, các bị cáo Tô Minh tT, Nguyễn Văn vS khai nhận, khoảng 12 giờ ngày 15/10/2020, do cần tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên tT và vS rủ nhau tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đến kho dụng cụ xây dựng của ông Dũng (thuộc tổ 19, khóm V, phường NS, thành phố K) quan sát xung quanh thấy không người trông giữ nên vS cảnh giới cho tT đột nhập lấy trộm 01 máy nén bê tông, 01 máy khoan điện, 01 máy cắt sắt đem bán cho bà Lâm Thị Ái aM được 1.000.000 đồng.

Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra; phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 15/10/2020 do Công an phường NS lập; biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 17/10/2020 cùng bản ảnh trích xuất Camera, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K lập; lời khai của ông Nguyễn Văn vH về việc phát hiện bị mất trộm 01 máy nén bê tông, 01 máy khoan điện, 01 máy cắt sắt vào khoảng 12 giờ ngày 15/10/2020; lời khai của bà Lâm Thị Ái aM về việc có mua của các bị cáo 01 máy nén bê tông, 01 máy khoan điện, 01 máy cắt sắt nhưng không biết đây là tài sản do các bị cáo lấy trộm mà có và ngày 16/10/2020 ông vH có đến tìm các tài sản bị mất và bà đã bán lại các máy nêu trên cho ông vH với giá 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là 01 máy nén bê tông, 01 máy khoan điện, 01 máy cắt sắt; phù hợp với phương tiện, trang phục các bị cáo mặc, sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội bị thu giữ là 01 áo khoác vải đen, dài tay; 01 xe mô tô không gắn biển số; 01 mũ bảo hiểm màu hồng; 01 áo thun xanh, dài tay; 01 quần Jean xám, lửng; 01 đôi dép trắng, quai kẹp.

Từ các chứng cứ trên có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, các bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 máy nén bê tông, 01 máy khoan điện, 01 máy cắt sắt của ông vH.

Theo Kết luận định giá tài sản số 260/KL-ĐG ngày 22/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố K, 01 máy cắt sắt, trị giá

1.000.000 đồng; 01 máy khoan điện, trị giá 600.000 đồng; 01 máy nén bê tông, trị giá 900.000 đồng. Tổng trị giá 2.500.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông vH là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc nghỉ trưa, khi tài sản không người trông giữ, lén lút lấy trộm nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ và sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đối với các bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, các bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì nghiện ma túy, lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền để mua ma túy sử dụng, các bị cáo đã trộm cắp tài sản của người khác. Các bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị kết án về các tội “*Cướp giật tài sản và Trộm cắp tài sản*”; bị cáo vS có 01 tiền sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an địa phương.

Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo cùng đồng phạm giản đơn; nhưng có phân hóa vai trò, trách nhiệm, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo tT chủ động rủ rê, lôi kéo, xúi giục và cùng bị cáo vS thực hành tội phạm; bị cáo chiếm đoạt, quyết định tiêu thụ, hưởng lợi từ tài sản chiếm đoạt; bị cáo tT giữ vai trò chính, chủ mưu phạm tội. Vì vậy, cần có hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp, trong quá trình điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo, tự nguyện giao nộp số tiền 680.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo vS có bà nội là người có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà aM không biết đây là tài sản do các bị cáo lấy trộm mà có, đã bán lại các tài sản cho bị hại, không có yêu cầu gì đối với vụ án. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với bà aM là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả cho bị hại vH là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý lại.

Đối với 01 xe mô tô không gắn biển số, bị cáo vS khai mua của người thanh niên (không rõ lai lịch) bị cáo sử dụng làm phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Đối với 01 áo khoác vải đen, 01 mũ bảo hiểm màu hồng, 01 áo thun xanh, 01 quần Jean xám, 01 đôi dép trắng được các bị cáo sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội, có giá trị chứng minh tội phạm, các bị cáo không có yêu cầu nhận lại, các vật chứng này không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại vH không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Tô Minh tT phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Tô Minh tT: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 03/11/2020 (*ngày ba, tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi*).

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn vS (vS Cọ) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Nguyễn Văn vS: 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 29/10/2020 (ngày hai mươi chín, tháng mười, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô không gắn biển số, số khung DH88XF145159, số máy DH88 XE1145117, đã qua sử dụng (Theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 16/10/2020 do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K lập);

Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu hồng, đã qua sử dụng; 01 áo thun dài tay màu xanh, phía trước kẻ sọc đen có dòng chữ FIRELLI, đã qua sử dụng; 01 quần Jean lửng màu xám, đã qua sử dụng; 01 đôi dép quai kẹp màu trắng, đã qua sử dụng; 01 áo khoác dài tay vải kaki, màu đen, hai tay áo màu rằn ri, đã qua sử dụng. (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố K).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Tô Minh tT, Nguyễn Văn vS mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Nguyễn Văn vH, bà Lâm Thị Ái aM là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện KSND thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ;
- Phòng hồ sơ;
- Chi cục THADS thành phố;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**Nguyễn Quang Chân**